



DOI:10.22144/ctu.jvn.2018.026

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG VỀ SINH KẾ CỦA HỘ DÂN SAU THU HỒI ĐẤT TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Minh Thuận<sup>1\*</sup>, Dương Ngọc Thành<sup>1</sup> và Trần Thị Mỹ Tuyên<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup>Trung tâm Khuyến nông tỉnh Bạc Liêu

\*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Minh Thuận ([nmthuan81@gmail.com](mailto:nmthuan81@gmail.com))

### Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 12/06/2017

Ngày nhận bài sửa: 27/09/2017

Ngày duyệt đăng: 28/02/2018

### Title:

Factors influencing households' livelihood satisfaction after land acquisition in Vinh Long province

### Từ khóa:

Hài lòng, khu công nghiệp, sinh kế, thu hồi đất

### Keywords:

Industrial zones, land acquisition, livelihood, satisfaction

### ABSTRACT

This study is aimed to determine factors affecting households' livelihood satisfaction after land acquisition for industrial zone construction in Vinh Long province. The study was conducted with a sample of 180 observations. The participants were households with land acquisition receiving compensation for 2 - 3 years or over. The study results showed that factors influencing households' livelihood satisfaction after land acquisition include five major factors, i.e. living environment, employment and income, local government, land acquisition and public services, together with two minor ones, i.e. householder's age and education. Of which, three factors including employment and income, public services and land acquisition have strong impacts on the level of households' livelihood satisfaction. From the results, five solutions were proposed to improve income and stabilize residents' livelihood after land acquisition for industrial zone construction in Vinh Long province.

### TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về sinh kế hộ dân sau thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Nghiên cứu được thực hiện với mẫu quan sát là 180 hộ dân bị thu hồi đất và nhận bồi hoàn từ 2 – 3 năm trở lên. Kết quả nghiên cứu có năm nhân tố chính ảnh hưởng bao gồm: Môi trường sống, việc làm và thu nhập, chính quyền địa phương, việc thu hồi đất, dịch vụ công cộng và hai nhân tố phụ là tuổi và trình độ học vấn của chủ hộ tác động đến mức độ hài lòng về sinh kế hộ dân sau khi thu hồi đất. Trong đó, có 3 nhân tố: việc làm và thu nhập, dịch vụ công cộng và thu hồi đất tác động mạnh đến mức độ hài lòng về sinh kế hộ dân. Từ những kết quả nghiên cứu trên, năm giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế cho người dân sau thu hồi đất xây dựng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Trích dẫn: Nguyễn Minh Thuận, Dương Ngọc Thành và Trần Thị Mỹ Tuyên, 2018. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về sinh kế của hộ dân sau thu hồi đất tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(1D): 218-228.

### 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hiện nhiên nhóm đất đai nông nghiệp hiện có không

thể đáp ứng được nhu cầu phát triển, việc chuyển mục đích sử dụng một phần đất đai của các nhóm đất khác để phục vụ mục đích phát triển là tất yếu. Quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất để phát

triển và xây dựng mới các đô thị, xây dựng các khu công nghiệp (KCN) và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nước ta phát triển nhanh. Tuy nhiên, việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất diễn ra không đồng đều giữa các vùng, miền và các tỉnh, thành phố của cả nước mà chỉ tập trung ở một số vùng, một số địa phương có điều kiện thuận lợi, nhất là gần các sân bay, bến cảng, các đầu mối giao thông đường sắt và đường bộ, gần các trung tâm kinh tế lớn của đất nước. Hơn nữa, việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất còn phụ thuộc vào nguồn nhân lực của từng địa phương. Đối với những tỉnh, thành phố có đội ngũ cán bộ có năng lực, năng động, sáng tạo thường tạo ra được các cơ chế, chính sách cởi mở, phù hợp với xu thế phát triển chung.

Nghiên cứu sự tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sinh kế nông dân Việt Nam cho rằng việc thu hồi quyền sử dụng đất nông nghiệp của nhà nước tạo ra những tác động quan trọng về kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị đối với hộ dân bị thu hồi đất để phục vụ cho các mục đích công nghiệp hóa và đô thị hóa. Vì chính sách của Đảng và Nhà nước về đào tạo nghề và tạo việc làm còn nhiều hạn chế nên dễ ứng phó với tình huống mới, nhiều hộ nông dân đã dựa vào tài sản tự nhiên của mình dưới hình thức quyền sử dụng đất ở để tránh nghèo và chuyển dịch sang các hướng sinh kế mới, mặc dù quá trình chuyển đổi này hàm chứa sự phân hóa xã hội và đa dạng chiến lược sinh kế trong hộ gia đình. Tuy thời điểm hiện tại người dân có mức sống cao hơn nhưng nhiều hộ nông dân vẫn thấy sinh kế của mình chưa bền vững, vì nhiều người trong số họ đang ở tuổi lao động nhưng thiếu việc làm (Nguyễn Văn Sửu, 2010).

Vấn đề người dân quan tâm nhiều nhất sau khi bị thu hồi đất là đảm bảo sinh kế bền vững và lâu dài cho chính bản thân họ. Sau khi bị thu hồi đất, thu nhập hộ dân có cao hơn trước, nguồn vốn về vật chất của họ được cải thiện đáng kể, nhưng do việc làm không ổn định (nguồn vốn từ việc bồi thường, hỗ trợ sau khi bị thu hồi đất không được người dân sử dụng vào mục đích đầu tư sản xuất và học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp nên dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm), cuộc sống xáo trộn, phai nhạt tình cảm nông thôn và ô nhiễm môi trường làm nhiều người dân lo lắng về sinh kế lâu dài của họ (Huỳnh Văn Chương, 2010).

Cùng với quá trình hình thành và phát triển các KCN chung trên cả nước, tình hình thu hồi đất xây dựng các KCN của tỉnh Vĩnh Long cũng diễn ra mạnh mẽ, nhất là vùng nông thôn. Những hộ dân sau khi bị thu hồi đất phải đương đầu với sự thay đổi nguồn lực để tạo ra sinh kế và thu nhập để ổn định cuộc sống. Để phát triển các KCN bền vững, phục vụ công nghiệp hóa của tỉnh cần phải quan tâm đầy

đủ về sinh kế hộ dân sau khi thu hồi đất nhằm đảm bảo cho những hộ dân sau khi thu hồi có cuộc sống và thu nhập thay đổi theo hướng tốt hơn, và tối thiểu cũng ngang bằng như trước khi thu hồi đất, đặc biệt cần đánh giá lại mức độ hài lòng về những sinh kế đã thay đổi của những hộ dân sau khi thu hồi đất. Từ những lý do trên cho thấy việc nghiên cứu "*Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về sinh kế của hộ dân sau khi thu hồi đất tỉnh Vĩnh Long*" là cần thiết.

## 2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1 Cơ sở lý thuyết

Theo Philip Kotler (2001), sự hài lòng là mức độ của trạng thái của một người bắt nguồn từ việc so sánh nhận thức về một sản phẩm so với mong đợi của người đó. Theo đó sự hài lòng có ba cấp độ khác nhau: nếu nhận thức của khách hàng nhỏ hơn kỳ vọng thì khách hàng cảm nhận không thỏa mãn; nếu nhận thức bằng kỳ vọng thì khách hàng cảm nhận thỏa mãn; nếu nhận thức lớn hơn kỳ vọng thì khách hàng cảm nhận là thỏa mãn hoặc thích thú.

Sinh kế là khả năng (capabilities), nguồn lực (assets) (vật chất và phi vật chất), và các hoạt động (activities) cần thiết làm phương tiện sống của con người (Chambers and Conway, 1992). Trong khái niệm này, con người với khả năng, dựa trên các nguồn lực sinh kế hiện có (hoặc có thể tiếp cận được), để thực hiện các hoạt động sinh kế (livelihood activities) nhằm cải thiện đời sống hoặc đạt được các kết quả sinh kế mong muốn (livelihood outcomes).

#### 2.1.1 Các nguồn vốn sinh kế

Theo Neefjes (2003), các vốn sinh kế bao gồm các tài sản trừu tượng có thể gọi là *vốn con người*, *vốn xã hội*, *vốn tài chính*, *vốn vật thể* và *vốn thiên nhiên*.

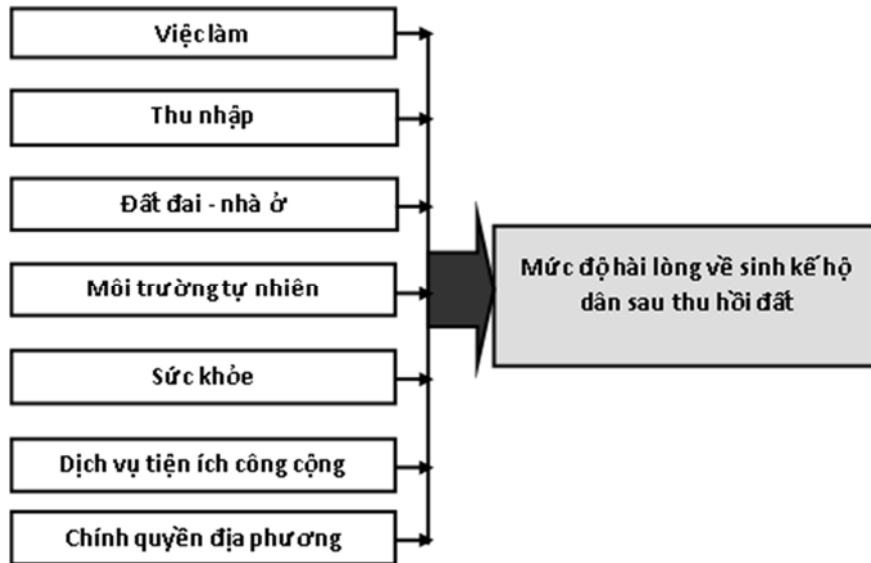
*Vốn con người* thể hiện kỹ năng, kiến thức, khả năng và tiềm năng lao động, sức khỏe tốt, tất cả tạo cho con người khả năng theo đuổi các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt những mục tiêu sinh kế của họ.

*Vốn xã hội* bao gồm mạng lưới kết nối, mối quan hệ thành viên và mối quan hệ lòng tin, mà các cá nhân dựa vào đó để sử dụng tốt nhất các nguồn lực của cá nhân (Coleman, 1990) hoặc theo đuổi sinh kế bền vững (Ellis, 1999).

*Vốn tự nhiên* là các nguồn tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ của nó (chu trình dinh dưỡng, bảo vệ xói mòn) rất có ích cho sinh kế. Có rất nhiều dạng và loại tài nguyên cấu thành vốn tự nhiên, từ các tài sản công cộng vô hình (không khí, đa dạng sinh học,...) đến các tài sản có thể chia ra được (cây trồng, đất...).

*Vốn vật chất* bao gồm các kết cấu hạ tầng cơ bản và phương tiện sản xuất cần thiết hỗ trợ sinh kế của con người. Kết cấu hạ tầng bao gồm sự thay đổi môi trường vật chất giúp cho con người thỏa mãn nhu cầu cơ bản và làm tăng sự sản xuất. Công cụ sản xuất là các dụng cụ và phương tiện giúp con người sử dụng làm tăng năng suất.

*Vốn tài chính* bao gồm những nguồn lực tài chính người ta sử dụng để đạt được mục tiêu sinh kế của họ.



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

**2.3 Phương pháp nghiên cứu**

*2.3.1 Phương pháp chọn vùng nghiên cứu*

Đề tài được nghiên cứu tại các ấp Phước Hòa, Thạnh Hưng, Lộc Hưng, Phước Lộc thuộc xã Hòa Phú, huyện Long Hồ (KCN Hòa Phú giai đoạn 1 và giai đoạn 2) và các ấp Mỹ Hưng, Mỹ Lợi, thuộc xã Mỹ Hòa, Thị xã Bình Minh (KCN Bình Minh) tỉnh Vĩnh Long. Đối tượng khảo sát là những hộ dân bị thu hồi đất để xây dựng các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (từ 2-3 năm trở lên).

*2.3.2 Phương pháp thu thập số liệu*

**Thu thập số liệu thứ cấp**

Các số liệu thứ cấp như tình hình kinh tế xã hội của địa bàn nghiên cứu: Văn kiện đại hội Đảng VIII, IX của Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long; các quyết định, văn bản, thông tư hướng dẫn về KCN và các chủ trương, chính sách của Chính phủ, Bộ ngành và tỉnh liên quan đến công tác hình thành KCN và công tác bồi

**2.2 Mô hình nghiên cứu**

Nghiên cứu kế thừa có chọn lọc khung phân tích sinh kế bền vững (DFID, 1999); kế thừa kết quả nghiên cứu của Đinh Phi Hồ (2010) về đánh giá các yếu tố tác động đến sự hài lòng về sinh kế và kết hợp với thực tiễn địa bàn nghiên cứu các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Từ đó, mô hình nghiên cứu các yếu tố tác động đến sự hài lòng về sinh kế của hộ dân sau thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được đề xuất cụ thể như sau:

hoàn, giải quyết việc làm... đối với các hộ dân bị thu hồi đất.

**Thu thập số liệu sơ cấp**

Số liệu nghiên cứu được thu thập theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên<sup>1</sup> (phân tầng theo tỷ lệ thu hồi đất) trong khoảng thời gian từ tháng 2/2017 đến tháng 4/2017. Cỡ mẫu quan sát là 180 hộ, đáp ứng yêu cầu phân tích nhân tố khám phá với 36 biến (Habing, 2003; Hair *et al.*, 1998 được trích dẫn bởi Nguyễn Đình Thọ, 2011).

Thang đo Likert (5 mức độ) được lựa chọn để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). (1) rất không đồng ý; (2) không đồng ý; (3) bình thường; (4) đồng ý; (5) rất đồng ý. Thang đo có 7 nhân tố và 36 biến quan sát: *thu nhập* (có 3 biến quan sát); *việc làm* (có 3 biến quan sát); *dịch vụ tiện ích công cộng* (có 8 biến quan sát); *môi trường* (có 5 biến quan sát); *sức khỏe* (có 4 biến quan sát); *đất đai, nhà ở* (có 5 biến quan sát); *chính quyền địa phương* (có 8 biến

<sup>1</sup> Số mẫu khảo sát được thu thập từ danh sách các hộ gia đình bị thu hồi đất xây dựng KCN, được cung cấp từ chính quyền địa phương xã.

quan sát) và mức độ hài lòng chung (có 3 biến quan sát). Ngoài ra, các thông tin đặc điểm hộ (tuổi, giới tính, trình độ học vấn,...) cũng được đưa vào bảng câu hỏi theo thang đo định lượng và định tính.

2.3.3 Phương pháp phân tích số liệu

Các phương pháp phân tích được sử dụng: Kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy đa biến.

Phương trình hồi quy ước lượng có dạng:

$$\hat{Y} = b_0 + b_1 X_1 + b_2 X_2 + \dots + b_i X_i$$

Trong đó:

$\hat{Y}$ : Mức độ hài lòng chung về sinh kế của hộ dân sau khi thu hồi đất

$b_i$ : Hệ số ước lượng

$X_i$ : Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng về sinh kế của hộ dân

Trong đó, các biến đưa vào phân tích hồi quy được xác định bằng cách tính điểm của các nhân tố (Factor score, nhân số).

Nhân số thứ i, được xác định:

$$F_i = W_{i1} X_1 + W_{i2} X_2 + \dots + W_{ik} X_k ; \text{ Trong đó:}$$

$F_i$ : Ước lượng của nhân tố thứ i.

$W_{ik}$ : Hệ số nhân tố được trình bày trong ma trận hệ số nhân tố

k: Biến quan sát trong nhân tố thứ i

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Đặc điểm hộ khảo sát

Kết quả nghiên cứu cho thấy chủ hộ là nam chiếm tỷ lệ 71,9%, trong khi chủ hộ là nữ chỉ chiếm tỷ lệ 28,1%. Điều này phản ánh được một thực tế là tại địa bàn nghiên cứu, nam giới thường là người quan trọng nhất của gia đình. Tuy nhiên, ở khía cạnh khác, người nhận trách nhiệm trả lời phỏng vấn ở các nông hộ phần lớn là nam. Các nhóm tuổi chủ hộ có sự khác biệt, chủ hộ có độ tuổi từ 30 - 40 tuổi (chiếm tỷ lệ 6,3%), nhóm hộ có độ tuổi từ 40 - 50 tuổi (tỷ lệ 28,1%), nhóm hộ từ 50 - 60 tuổi (tỷ lệ 34,4%), và nhóm hộ >60 tuổi (tỷ lệ 31,2%). Kết quả nhóm tuổi trên cho thấy, phần lớn tuổi chủ hộ có độ tuổi trên 40 tuổi với tỷ lệ 93,7%. Điều này cho thấy tuổi có tác động rất lớn đến việc làm (lớn tuổi khó xin vào làm việc ở các công ty trong KCN) của các hộ dân, đặc biệt là hộ dân bị thu hồi đất. Vì khi nhận bồi thường và hỗ trợ sau khi thu hồi đất, các hộ dân phải chuyển đổi sinh kế, tìm việc làm mới. Điều này tác động rất lớn đến thu nhập nông hộ và trở thành gánh nặng về an sinh xã hội của chính quyền địa phương.

**Bảng 1: Đặc điểm các hộ điều tra**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số lượng	Cơ cấu %
<b>1. Giới tính chủ hộ</b>			
- Nữ	người	51	28,1
- Nam	người	129	71,9
<b>2. Tuổi chủ hộ</b>			
- Từ 30 – 40 tuổi	Tuổi	11	6,3
- Từ 40 – 50 tuổi	Tuổi	51	28,1
- Từ 50 – 60 tuổi	Tuổi	62	34,4
- Trên 60 tuổi	Tuổi	56	31,1
- Bình quân tuổi	Tuổi	55	-
<b>3. Trình độ học vấn</b>			
- Mù chữ	người	8	4,4
- Cấp I	người	86	48,1
- Cấp II	người	64	35,6
- Cấp III	người	17	9,4
- Trung cấp	người	5	2,5
<b>4. Bình quân nhân khẩu/hộ</b>			
- BQ nhân khẩu	người	4,5	-
- BQ nhân khẩu nam	người	2,2	-
- BQ nhân khẩu nữ	người	2,3	-
<b>5. Bình quân lao động/hộ</b>			
- BQ lao động	người	2,7	-
- BQ lao động nam	người	1,4	-
- BQ lao động nữ	người	1,3	-

Nguồn: Kết quả điều tra tháng 2-3, năm 2017

Trình độ học vấn của hộ dân cũng đa dạng, có 7 chủ hộ mù chữ chiếm 4,4%, đa số chủ hộ chỉ học cấp I (48,1%), cấp II (35,6%), cấp III (9,4%) và chủ hộ có trình độ trung cấp chuyên nghiệp chiếm 2,5%. Nhìn chung, trình độ học vấn trên địa bàn nghiên cứu chủ yếu tập trung vào cấp 1 và cấp 2 (chiếm 83,7%), trình độ cấp 3 chiếm tỉ lệ thấp (9,4%). Trình độ thấp cũng là một trở ngại cho việc chuyển đổi từ nông nghiệp sang các ngành nghề phi nông nghiệp đòi hỏi kỹ năng và tay nghề cao, gặp nhiều khó khăn trong việc học nghề cũng như khó tiếp cận với các ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh - doanh trong môi trường công nghiệp hóa như hiện nay.

Bình quân nhân khẩu mỗi hộ là 4,5 người, nhân khẩu nam là 2,2 nhân khẩu, bình quân nhân khẩu nữ là 2,3 nhân khẩu. Số nhân khẩu trong gia đình là tiềm năng lao động trong hộ, số nhân khẩu tham gia vào các hoạt động sản xuất của hộ là lực lượng đóng góp rất lớn vào nguồn thu nhập của nông hộ. Càng nhiều lao động tham gia vào sản xuất và làm trong các công ty ở các KCN thì nguồn thu nhập của hộ càng cao. Số lao động chính bình quân của hộ là 2,7 lao động, trong đó lao động nam là 1,4 lao động, lao động nữ là 1,3 lao động.

Theo cơ cấu nghề nghiệp, trước khi thu hồi đất có 76,8% hộ dân làm nông nghiệp, kinh doanh buôn bán tỷ lệ 4,9%, công nhân chiếm tỷ lệ 1,9%, công chức, viên chức nhà nước chiếm 3,7%, tiểu thủ công nghiệp và các ngành làm thuê khác chiếm 9,7% và không nghề nghiệp chiếm 3%. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sau thu hồi đất xây dựng các KCN, có sự chuyển biến rõ nét về chuyển đổi ngành nghề, sau thu hồi đất một số hộ dân không còn đất sản xuất nên tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp giảm còn 46%, chuyển đổi từ nông nghiệp sang các ngành nghề thương mại dịch vụ phục vụ KCN được hình thành,

tỷ lệ hộ dân kinh doanh buôn bán tăng lên 12,9%, tỷ lệ làm công nhân chiếm 4,3%, công chức, viên chức nhà nước chiếm 2,2%, cơ cấu ngành tiểu thủ công nghiệp và các ngành làm thuê khác chiếm 30,3% và không nghề nghiệp chiếm 4,3%. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp sau thu hồi tăng lên, do lao động quá tuổi (quá 35 tuổi) không được nhận vào các công ty trong KCN. Điều này cũng ảnh hưởng đến thu nhập hộ sau thu hồi và khó khăn cho chính quyền trong vấn đề giải quyết việc làm.

### 3.2 Kiểm định độ tin cậy của thang đo Cronbach's Alpha

Để đảm bảo thang đo có đủ độ tin cậy, hệ số Cronbach's Alpha được dùng để kiểm tra độ tin cậy các thang đo của 8 nhân tố có ảnh hưởng đến mức độ hài lòng về sinh kế của hộ dân sau khi thu hồi đất, nếu nhân tố nào có hệ số Cronbach's Alpha nhỏ hơn 0,6 thì sẽ bị loại khỏi mô hình nghiên cứu (Peterson, 1994) và các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 được xem là biến rác, cũng được loại khỏi thang đo của các nhân tố (Nunnally và Burnstein, 1994). Kết quả phân tích Cronbach's Alpha cho từng thang đo (Bảng 1) của 8 nhân tố có hệ số Cronbach's Alpha từ 0,545 đến 0,911 (>0,6), chứng tỏ các thang đo của 8 nhân tố có độ tin cậy cao. Ngoài ra, trong 39 biến quan sát trong 8 nhóm nhân tố được tiến hành phân tích thì có 3 biến quan sát (PUS6, PUS8, PUS7) của các nhân tố dịch vụ tiện ích công cộng bị loại có hệ số tương quan nhỏ hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha biến lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha của từng nhân tố. Các biến quan sát còn lại có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 nên đều sử dụng để phân tích. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo, còn lại 36 biến quan sát đều đạt yêu cầu cho phân tích nhân tố tiếp theo để rút gọn các biến quan sát thuộc các nhân tố chung.

**Bảng 2: Kết quả đánh giá độ tin cậy của thang đo**

STT	Biến quan sát	Ký hiệu	Hệ số tương quan biến - Tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
<b>1. THU NHẬP</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,758</b>		
1.	Tình trạng thu nhập của gia đình hiện nay là ổn định.	INC1	0,543	0,727
2.	Thu nhập của gia đình hiện nay là tăng lên.	INC2	0,613	0,647
3.	Cơ hội để tìm kiếm, nâng cao thu nhập tại địa phương là khá nhiều.	INC3	0,608	0,652
<b>2. VIỆC LÀM</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,832</b>		
4.	Việc làm các thành viên trong gia đình đã thay đổi rất nhiều.	EMP1	0,657	0,804
5.	Cơ hội tìm kiếm việc làm của thành viên trong gia đình là rất nhiều.	EMP2	0,763	0,696
6.	Cơ hội để tìm kiếm việc làm cho phụ nữ tại địa phương hiện nay là rất nhiều.	EMP3	0,661	0,798
<b>3. DỊCH VỤ TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,637</b>		

STT	Biến quan sát	Ký hiệu	Hệ số tương quan biến - Tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
7.	Hệ thống dịch vụ thương mại (chợ, siêu thị...) ở địa phương hiện nay đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.	PUS1	0,368	0,596
8.	Hệ thống dịch vụ vệ sinh môi trường (thu gom, xử lý rác thải, nước thải) ở địa phương là rất tốt.	PUS2	0,380	0,597
9.	Hệ thống dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe ở địa phương hiện nay là rất tốt.	PUS3	0,421	0,580
10.	Dịch vụ giáo dục, đào tạo dạy nghề ở địa phương hiện nay là rất tốt.	PUS4	0,414	0,581
11.	Các thành viên trong gia đình được hưởng lợi ích rất nhiều từ các dịch vụ đào tạo và dạy nghề tại địa phương.	PUS5	0,537	0,545
12.	Dịch vụ trợ giúp và tư vấn pháp luật ở địa phương hiện nay giúp ích rất nhiều cho người dân.	PUS6	0,148	0,657
13.	Dịch vụ các ngân hàng ở địa phương hiện nay giúp người dân tiếp cận nguồn vốn vay rất nhiều.	PUS7	0,226	0,631
14.	Dịch vụ giải trí (khu vui chơi, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông...) đáp ứng tốt cho nhu cầu của người dân.	PUS8	0,189	0,643
<b>4. MÔI TRƯỜNG</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,895</b>		
15.	Không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi khói bụi và mùi hôi.	EVN1	0,690	0,886
16.	Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm nghiêm trọng.	EVN2	0,790	0,862
17.	Đất đai bị ô nhiễm do chất thải, rác thải từ KCN.	EVN3	0,747	0,873
18.	Tình hình xử lý rác thải, chất thải, nước thải từ KCN không được cải thiện gây ô nhiễm môi trường.	EVN4	0,701	0,882
19.	Cảnh quan, môi trường ở địa phương ngày càng xấu đi, ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng.	EVN5	0,806	0,858
<b>5. SỨC KHỎE</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,919</b>		
20.	Ô nhiễm khói bụi, mùi hôi trong không khí ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân.	HEA1	0,766	0,911
21.	Ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân.	HEA2	0,785	0,904
22.	Ô nhiễm rác thải, chất thải, nước thải từ KCN ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân.	HEA3	0,881	0,872
23.	Khả năng dễ mắc các bệnh (về hô hấp, mắt ngủ, nhức đầu bệnh ngoài da...) ngày càng tăng.	HEA4	0,824	0,891
<b>6. ĐẤT ĐAI, NHÀ Ở</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,824</b>		
24.	Quy hoạch xây dựng KCN hiện nay là hợp lý.	HOU1	0,658	0,778
25.	Hài lòng quy hoạch đất ở khu dân cư tại địa phương như hiện nay.	HOU2	0,666	0,775
26.	Hài lòng với mức giá đền bù giải tỏa.	HOU3	0,661	0,777
27.	Giá mua bán đất/nhà địa phương hiện nay là quá cao.	HOU4	0,538	0,811
28.	Hài lòng với tình trạng nhà ở hiện nay (diện tích, tiện nghi sinh hoạt).	HOU5	0,572	0,802
<b>7. CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,874</b>		
29.	Chính quyền hoạt động rất hiệu quả.	GOV1	0,657	0,856
30.	Chính quyền tiên bộ (giải quyết công việc có quy trình, khoa học và nhanh chóng...).	GOV2	0,643	0,857
31.	Chính quyền thân thiện (niềm nở, sẵn sàng phục vụ...).	GOV3	0,726	0,850
32.	Tích cực giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, an ninh trật tự.	GOV4	0,626	0,859
33.	Quan tâm đến các nhu cầu cơ bản của cộng đồng dân cư (điện, nước, đường sá, trường học, y tế...).	GOV5	0,681	0,852
34.	Cung cấp thông tin chính sách đầy đủ, kịp thời đến người dân.	GOV6	0,721	0,849
35.	Ra quyết định có sự tham gia bàn bạc với cộng đồng dân cư.	GOV7	0,653	0,856

STT	Biến quan sát	Ký hiệu	Hệ số tương quan biến - Tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
36.	Quan tâm, hỗ trợ trong việc đào tạo, dạy nghề, định hướng chuyên đổi nghề nghiệp cho người dân.	GOV8	0,427	0,885
<b>8. MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CHUNG</b>		<b>Cronbach's Alpha = 0,840</b>		
1.	Sự hình thành KCN đã có tác động tích cực đến kinh tế và mọi mặt trong đời sống của gia đình ông/bà.	OSC1	0,693	0,795
2.	Tác động tiêu cực của KCN (ô nhiễm, bệnh tật, an ninh trật tự) đến cộng đồng sẽ được cải thiện tốt hơn.	OSC2	0,6	0,790
3.	Hài lòng với cộng đồng địa phương hiện nay.	OSC3	0,741	0,753

Nguồn: Kết quả điều tra tháng 2-3, năm 2017

### 3.3 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Các bước kiểm định trong phân tích nhân tố ảnh hưởng mức độ hài lòng về sinh kế đến thu hồi đất cho kết quả sau: hệ số tải lớn hơn 0,5; hệ số KMO = 0,726; hệ số Sig=0,000 phù hợp phân tích nhân tố.

Phương sai cộng dồn = 0,6804 lớn hơn 0,50 thích hợp cho phân tích nhân tố. Sau đó, thực hiện các bước xoay nhân tố để đảm bảo các biến quan sát thuộc các nhân tố, các hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 và được phân đều trên các nhân tố.

**Bảng 3: Ma trận xoay nhân tố trong kết quả phân tích nhân tố**

Biến quan sát	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
HEA3	0,878					
HEA2	0,859					
EVN3	0,845					
EVN2	0,838					
HEA4	0,827					
EVN5	0,824					
HEA1	0,816					
EVN1	0,769					
EVN4	0,724					
EMP2		0,854				
EMP3		0,789				
EMP1		0,778				
INC2		0,761				
INC3		0,758				
INC1		0,579				
GOV5			0,863			
GOV6			0,851			
GOV4			0,790			
GOV7			0,771			
HOU1				0,876		
HOU2				0,833		
HOU3				0,806		
PUS5					0,757	
PUS3					0,735	
PUS1					0,727	
PUS4					0,569	
PUS2					0,550	
HOU5						0,823
HOU4						0,820
Phương sai trích		68,047% > 50%				
Hệ số KMO		0,5 < 0,726 < 1				
Mức ý nghĩa của kiểm định Bartlett's		0,000 < 0,05				

Nguồn: Kết quả điều tra tháng 2-3, năm 2017

Kết quả phân tích nhân tố (Bảng 2) có 29 biến quan sát, từ 33 biến quan sát ban đầu, các biến quan sát tương quan chặt chẽ nhau. Các nhân tố mới có sự xáo trộn các biến quan sát sau khi thực hiện xoay nhân tố. Các biến nhân tố mới được đặt tên lại như sau:

Nhân tố  $F_1$  được hình thành từ các biến HEA3, HEA2, EVN3, EVN2, HEA4, EVN5, HEA1, EVN1, EVN4. Đặt tên cho nhân tố này là "Môi trường sống".

Nhân tố  $F_2$  được hình thành từ các biến EMP2, EMP3, EMP1, INC2, INC3, INC1. Đặt tên cho nhân tố này là "Việc làm và thu nhập".

Nhân tố  $F_3$  được hình thành từ các biến GOV5, GOV6, GOV4, GOV7. Đặt tên cho nhân tố này là "Chính quyền địa phương".

Nhân tố  $F_4$  được hình thành từ các biến HOU1, HOU2, HOU3. Đặt tên cho nhân tố này là "Thu hồi đất".

Nhân tố  $F_5$  được hình thành từ các biến PUS5, PUS3, PUS1, PUS4, PUS2. Đặt tên cho nhân tố này là "Dịch vụ công cộng".

Nhân tố  $F_6$  được hình thành từ các biến HOU5, HOU4. Đặt tên cho nhân tố này là "Đền bù".

Mô hình nghiên cứu đề xuất được hiệu chỉnh lại cho phù hợp, mô hình nghiên cứu được hiệu chỉnh lại như sau:

Hài lòng về sinh kế hộ dân sau thu hồi đất (SAT) =  $f(F_1, F_2, F_3, F_4, F_5, F_6, \text{Tuổi}, \text{Giới tính}, \text{Trình độ học vấn}, \text{Số nhân khẩu})$ . Trong đó: SAT – biến phụ thuộc, các biến  $F_1, F_2, F_3, F_4, F_5, F_6$  – biến độc lập.

### 3.4 Phân tích hồi qui đa biến

Kết quả hồi qui đa biến cho thấy, hệ số xác định thay đổi  $R^2=0,5109$  là tương đối lớn, có nghĩa là 51,09% sự thay đổi về mức độ hài lòng về thay đổi sinh kế sau thu hồi đất xây dựng các KCN được giải thích bởi các biến độc lập đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính, còn lại các yếu tố khác chưa đưa vào mô hình nghiên cứu. Hệ số Sig. = 0,000 của kiểm định tính phù hợp của mô hình nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% chứng tỏ mô hình phù hợp. Hệ số phóng đại phương sai VIF của các biến trong mô hình đều nhỏ hơn 10, do đó không có đa cộng tuyến trong mô hình.

Kết quả phân tích hồi qui đa biến cho thấy, trong 10 biến ( $F_1, F_2, F_3, F_4, F_5, F_6$ , tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nhân khẩu) đưa vào phân tích có giá trị khác biệt (Sig.) nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% và 10%. Trong đó, các biến có hệ số hồi qui có ý nghĩa thống kê là môi trường sống, việc làm và thu nhập, chính quyền địa phương, thu hồi đất, dịch vụ công cộng, tuổi và trình độ học vấn. Kết quả phân tích cho thấy 4 biến có hệ số hồi qui có ý nghĩa thống kê đều có mối quan hệ tương quan thuận với biến độc lập mạnh nhất là việc làm và thu nhập, dịch vụ công cộng, chính quyền địa phương và thu hồi đất có hệ số hồi qui được chuẩn hóa là 0,523, 0,361, 0,269 và 0,233, tương ứng.

**Bảng 4: Một số chỉ tiêu kết quả của phân tích hồi quy**

Biến độc lập	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số đã chuẩn hóa	giá trị t	Khác biệt (Sig.)	Thông kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
Hằng số	-0,428	0,381		-1,121	0,264		
F <sub>1</sub> : Môi trường sống	0,021	0,058	0,021	0,360	0,719	0,984	1,016
F <sub>2</sub> : Việc làm và thu nhập	0,523	0,059	0,523	8,799	0,000	0,933	1,072
F <sub>3</sub> : Chính quyền địa phương	0,269	0,060	0,269	5,150	0,000	0,903	1,107
F <sub>4</sub> : Thu hồi đất	0,233	0,059	0,233	3,921	0,000	0,935	1,069
F <sub>5</sub> : Dịch vụ công cộng	0,361	0,058	0,361	6,222	0,000	0,977	1,024
F <sub>6</sub> : Đền bù	-0,135	0,058	-0,135	-2,306	0,023	0,964	1,038
X <sub>1</sub> : Tuổi	0,011	0,006	0,123	2,039	0,043	0,910	1,099
X <sub>2</sub> : Giới tính	-0,275	0,137	-0,122	-2,005	0,047	0,885	1,130
X <sub>3</sub> : Trình độ học vấn	0,012	0,020	0,038	0,606	0,546	0,832	1,202
X <sub>4</sub> : Số nhân khẩu	-0,016	0,029	-0,033	-0,566	0,572	0,948	1,055
Hệ số xác định R <sup>2</sup>			0,519				
Pr> $\chi^2$			0,000				

Nguồn: Kết quả khảo sát 2017

– Nhân tố “Việc làm và thu nhập” chưa được sự hài lòng của hộ dân sau thu hồi đất xây dựng các KCN. Điều này có ý nghĩa sau khi thu hồi đất xây dựng các KCN tạo cơ hội việc làm cho lao động tại

địa phương rất nhiều. Tuy nhiên, các công ty doanh nghiệp trong KCN tuyển phần lớn lao động là nữ (từ 18 đến dưới 35 tuổi), lao động nữ trên 35 tuổi không được tuyển dụng và lao động nam nhu cầu tuyển



dụng hạn chế, điều này khó khăn cho lao động tại địa phương, vì đa số lao động địa phương tập trung vào nhóm tuổi từ 40 tuổi trở lên. Chưa có sự ưu tiên tuyển dụng cho lao động trong độ tuổi khi bị thu hồi đất. Việc hình thành các KCN tạo điều kiện cho người dân chuyển đổi ngành nghề (tạo điều kiện cho hộ dân làm công nhân KCN, kinh doanh nhà trọ và buôn bán xung quanh KCN) nhằm tăng thu nhập. Tuy nhiên, thực trạng kinh doanh nhà trọ khó khăn ảnh hưởng đến thu nhập hộ dân, do hệ thống giao thông đi lại chưa thuận tiện ảnh hưởng đến các hộ kinh doanh nhà trọ không cho thuê được.

– Công tác hỗ trợ đào tạo và chuyển đổi nghề cho hộ dân bị thu hồi đất thực hiện theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long về quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (thực hiện theo Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất). Tuy nhiên, tỉnh Vĩnh Long triển khai thực hiện hỗ trợ đào tạo và chuyển đổi nghề bằng hình thức hỗ trợ tiền mặt, chưa gắn kết công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho các công ty, doanh nghiệp trong KCN, vì ngành nghề đào tạo không phù hợp tuyển dụng của công ty (công ty tuyển dụng và đào tạo tay nghề trong công ty).

– Nhân tố “Dịch vụ tiện ích công cộng” chưa được sự hài lòng các hộ dân sau thu hồi đất. Do việc hình thành các KCN chưa chú ý đến công tác xây dựng các cơ sở dịch vụ như: trường học, bệnh viện, sân chơi thể dục thể thao cho thanh thiếu niên và công nhân KCN, nguyên nhân là trong công tác quy hoạch xây dựng KCN chưa ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng các cơ sở hạ tầng phục vụ KCN và người dân xung quanh KCN.

– Nhân tố “Chính quyền địa phương” và nhân tố “Thu hồi đất”: Kết quả từ nghiên cứu cho thấy, các hộ dân bị thu hồi đất cho rằng chính quyền địa phương chưa quan tâm đến công tác xử lý môi trường trong và ngoài KCN, công tác thu gom rác thải và xử lý nguồn nước thải trong và ngoài KCN chưa thực hiện tốt còn mùi hôi và nguồn nước thải từ các công ty KCN, ảnh hưởng cảnh quan và đời sống người dân xung quanh KCN (tình trạng xả thải của các công ty trong KCN vẫn xảy ra thường xuyên không đúng qui định). Vì mức giá bồi hoàn trên diện tích đất thu hồi còn thấp so với giá thị trường bên ngoài nên việc nhận tiền bồi thường khó mua lại diện tích đất bị thu hồi như ban đầu, bên cạnh đó việc thay đổi chỗ ở và ngành nghề đã ảnh hưởng đến sinh kế và thu nhập sau khi bị thu hồi đất.

### 3.5 Giải pháp

Thông qua kết quả nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng mức độ hài lòng về sinh kế hộ dân sau thu hồi đất xây dựng các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, các giải pháp được đề xuất nhằm nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế hộ dân thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long như sau:

**Giải pháp về môi trường sống:** Để đảm bảo môi trường sống cho các hộ dân sau thu hồi đất được tốt hơn, trong công tác quy hoạch xây dựng các KCN, tỉnh Vĩnh Long ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng trường học, bệnh viện. Trong đó, chính quyền địa phương có vai trò chủ đạo trong công tác xây dựng trường học, bệnh viện và cần có sự đóng góp trách nhiệm của các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong KCN với chính quyền địa phương nhằm phục vụ cộng đồng. Thời gian qua, tình trạng rác thải và ô nhiễm nguồn nước xung quanh các KCN vẫn còn xảy ra. Vì vậy, cần hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường trong và ngoài KCN, quan tâm, kiểm tra giám sát và xử lý các công ty, doanh nghiệp hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh KCN. Bên cạnh đó, cần thực hiện công tác quy hoạch vị trí khu vực tái định cư đối với những hộ dân bị thu hồi đất nhằm hạn chế tác động môi trường KCN ảnh hưởng sức khỏe và ổn định sinh kế hộ dân sau thu hồi đất.

**Thu hồi đất:** Việc thu hồi đất ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sinh kế hộ dân. Vì vậy, chính quyền địa phương thực hiện tốt chính sách thu hồi đất, phải đảm bảo cho người dân có cuộc sống tốt hơn hoặc ngang bằng trước khi thu hồi. Giá tiền bồi hoàn chưa đáp ứng được điều kiện mua lại đất. Vì thế, giá bồi hoàn khi thu hồi đất được điều chỉnh càng gần với giá thị trường ngay thời điểm thu hồi, nhằm tạo điều kiện cho hộ dân sau thu hồi có khả năng mua đất tái sản xuất và ổn định đời sống. Cần tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án, vì việc thu hồi ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế hộ dân.

**Việc làm và thu nhập:** Cần có chính sách đào tạo dạy nghề, trợ giúp chuyển đổi nghề nghiệp cho những hộ dân sau thu hồi đất, đặc biệt là đối tượng lao động thanh niên tại địa phương phù hợp với các ngành, nghề KCN đang tuyển dụng, có chính sách ưu tiên dạy nghề cho phụ nữ và ưu tiên đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho những hộ thuộc dạng nghèo và cận nghèo. Các tổ chức tín dụng hỗ trợ nguồn vốn vay cho các hộ dân vay vốn ưu đãi nhằm tái sản xuất và ổn định sinh kế sau khi thu hồi đất. Có chính sách ràng buộc chủ đầu tư khi thu hồi đất thực hiện dự án, khi tuyển dụng phải ưu tiên tuyển dụng lao động của những hộ dân bị thu hồi đất.

**Chính quyền địa phương:** Cần quan tâm giải quyết các vấn đề cơ sở hạ tầng: điện, nước sạch cho sinh hoạt, trường học, trạm y tế, hệ thống giao thông nông thôn, cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường xung quanh các KCN, thông tin đầy đủ các chính sách đến người dân, các công trình công cộng cần có sự bàn bạc và thống nhất trong dân thực hiện.

**Dịch vụ công cộng:** Quan tâm đến các dịch vụ tiện ích công cộng nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm tiêu dùng hàng ngày, nhu cầu giải trí, thể thao, sinh hoạt của cộng đồng. Đặc biệt các dịch vụ dạy nghề, đào tạo nghề, dịch vụ trợ giúp và tư vấn pháp luật nhằm tăng sự hài lòng của cộng đồng sau thu hồi đất. Để thực hiện các dịch vụ trên cần có chính sách như: trong quy hoạch cần thực hiện quỹ đất xây dựng các hoạt động vui chơi giải trí, các sân chơi thể dục thể thao cho thanh thiếu niên; ưu tiên thu hút những doanh nghiệp, hệ thống siêu thị cung cấp sản phẩm đa dạng mẫu mã, chủng loại, chất lượng cao và giá cạnh tranh.

#### 4 KẾT LUẬN

Với kết quả nghiên cứu đạt được, nghiên cứu đã có những đóng góp tích cực về mặt khoa học và có ý nghĩa thực tiễn trong quá trình xây dựng thang đo đánh giá mức độ hài lòng về sinh kế hộ dân sau thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Nghiên cứu sự hài lòng về sinh kế gồm 8 nhân tố, 39 biến quan sát. Mô hình sử dụng hồi quy tuyến tính đa biến, kết quả nghiên cứu xác định được 4 nhân tố có ý nghĩa thống kê là: Việc làm và thu nhập, Dịch vụ công cộng, Chính quyền địa phương và Thu hồi đất. Để nâng cao mức độ hài lòng về sinh kế của hộ dân sau thu hồi đất của hộ dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long cần cải thiện những nhân tố trên và những giải pháp đề xuất để nâng cao thu nhập và ổn định sinh kế hộ dân. Kết quả nghiên cứu trên chỉ đánh giá mức độ hài lòng về sinh kế của hộ dân khi thu hồi đất xây dựng các KCN, chưa đi sâu phân tích sinh kế và hài lòng về thu hồi đất xây dựng các lĩnh vực khác. Nên việc vận dụng thang đo đánh giá mức độ hài lòng về sinh kế để đánh giá sự hài lòng về thu đất cho những mục đích khác là hướng nghiên cứu tiếp theo.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bùi Văn Trịnh và Nguyễn Quốc Nghi, 2013. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của cộng đồng dân cư đối với sự phát triển khu công nghiệp điển hình ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Kinh tế - Kỹ thuật, Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương 4: 16-22.

Bùi Văn Trịnh, Huỳnh Văn Tùng, Trần Thị Mỹ Chinh và Huỳnh Thanh Hương (2013). Nghiên cứu tác động của thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp đến sự thay đổi thu nhập của cộng đồng bị thu hồi đất ở thành phố Cần Thơ. Kỷ yếu Hội

nghe Khoa học, khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh, Đại học Cần Thơ. 240-247.

Chambers, R. and Conway, G., 1992. Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century. Institute of Development Studies (UK). 29 pp.

Châu Đạm Trinh, 2012. Đánh giá sự hài lòng của người dân về dịch vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng: Phạm vi lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Hậu Giang. Luận văn thạc sĩ. ĐH Nha Trang.

Coleman, J., 1990. Foundation of social theory. Harvard University Press.

DFID, 1999. Sustainable livelihoods guidance sheets. London: DFID.

Đinh Phi Hồ và Huỳnh Sơn Vũ, 2011. Sự thay đổi về thu nhập của người dân sau thu hồi đất để xây dựng khu công nghiệp: Các yếu tố ảnh hưởng và gợi ý chính sách. Tạp chí Phát triển Kinh tế. 249: 35 - 41.

Đinh Phi Hồ và Võ Thanh Sơn, 2010. Các yếu tố tác động đến mức độ hài lòng của cộng đồng dân cư đối với sự phát triển các khu công nghiệp – Trường hợp nghiên cứu điển hình tỉnh Bến Tre, Tạp chí Phát triển Kinh tế. 237: 2-9.

Ellis, F, 2000. Rural Livelihood and Diversity in Developing Countries. Oxford University Press. New York.

Habing, B., 2003. “Exploratory Factor Analysis”, University of South Carolina – October 15, 2003. nguồn: <http://people.stat.sc.edu/habing/courses/530EFA.pdf> . truy cập tháng 10 năm 2016.

Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008. Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS: tập 1 và 2, Nhà xuất bản Hồng Đức.

Huỳnh Văn Chương, 2010. Ảnh hưởng của việc chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế của người nông dân bị thu hồi đất tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Tạp chí khoa học Trường Đại học Huế. 60A: 47-58.

Lê Thanh Sơn và Trần Tiến Khai, 2016. Tác động của việc thu hồi đất vùng nông thôn đến thu nhập người dân huyện Vĩnh Thạnh - Thành phố Cần Thơ: Trường hợp dự án khu dân cư vượt lũ Thạnh Mỹ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 42: 66-77.

Neefjes, K., 2003. Môi trường và sinh kế: Các chiến lược phát triển bền vững. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003. Hà Nội.

Nguyễn Bình Giang, 2012. Tác động xã hội vùng của các khu công nghiệp ở Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Hà Nội. 223 trang.

Nguyễn Đình Thọ, 2011. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: Thiết kế và thực hiện, NXB Lao động – Xã hội.

Nguyễn Văn Khánh, 2009. Phân tích thực trạng sinh kế của các hộ bị thu hồi đất ở quận Ninh Kiều,

- thành phố Cần Thơ. Luận văn Thạc sĩ kinh tế. Trường Đại học Cần Thơ. Cần Thơ.
- Nguyễn Văn Sửu, 2010. Tác động của công nghiệp hóa và đô thị hóa đến sinh kế nông dân Việt Nam: Trường hợp một làng ven đô Hà Nội. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Vũ An, 2015. Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân đối với Khu công nghiệp Long Đức ở thành phố Trà Vinh. Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang. 6 (2): 16 -24.
- Nunnally, J. and Bernstein, I.H, 1994. Psychometric Theory, 3ed., New York: McGraw-Hill.
- Peterson, R.A., 1994. A meta-analysis of Cronbach's coefficient alpha. Journal of Consumer Research, 21(2): 381-391.
- Philip Kotler, 2001. Quản trị Marketing. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ, 2014. Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014. Quy định về Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Nghi-dinh-47-2014-ND-CP-boi-thuong-ho-tro-tai-dinh-cu-khi-Nha-nuoc-thu-hoi-dat-230624.aspx>, truy cập ngày 15/8/2017.
- Trần Thị Thơm, 2015. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ dân sau khi thu hồi đất xây dựng khu công nghiệp Hòa Phú tỉnh Vĩnh Long. Luận văn Thạc sĩ. ĐH Cần Thơ. TP. Cần Thơ.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long, 2014. Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 9 năm 2014. Quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Nguồn: <http://vbpl.vn/vinhlong/Pages/vbpq-luocdo.aspx?ItemID=103120#>, truy cập ngày 15/8/2017.